

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2019

V/v ly hôn giữa chị H và anh M.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Bà Vương Thị Minh Tân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Trung Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 510/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-01-2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Hộ khẩu thường trú: Số nhà 7/18/144 đường T, phường Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Bị đơn:** Anh Trần Đình Mạnh, sinh năm 1969; Hộ khẩu thường trú: Số nhà 7/18/144 đường T, phường Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H và anh M có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đình M có thời gian tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N năm 1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống bình thường đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau nên cuộc sống chung

thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã, có lời nói xúc phạm nhau, có lần anh M đã đánh đập chị. Hai bên cũng đã cố gắng hòa giải nhưng do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên không có kết quả. Bản thân chị xác định không còn tình cảm với anh M nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Trần Đình M.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H xác nhận vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Thu T, sinh ngày 24-8-1991 và Trần Đình H, sinh ngày 09-8-1993. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành tự lập, có gia đình riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Đình M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, chị H không chung thủy có quan hệ không chính đáng anh đã tha thứ nhưng chị H không tôn trọng anh nên vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Anh thừa nhận có lần anh đánh bạc thua số tiền lớn do chị H cản nhắc nên anh có đánh chị H. Nay chị H xin ly hôn, anh có quan điểm đề nghị chị H rút đơn khởi kiện để vợ chồng tiếp tục chung sống còn nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị chị H phải giải quyết về tài sản sau đó mới giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Thu T, sinh ngày 24-8-1991 và Trần Đình H, sinh ngày 09-8-1993. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành tự lập, có gia đình riêng nên anh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh xác định vợ chồng có thể chấp nhà tại ngân hàng với số tiền là 200.000.000 đồng, đã trả dần còn lại là 120.000.000 đồng. Anh đề nghị chị H phải có trách nhiệm trả hết tiền cho ngân hàng, lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vợ chồng giải quyết về tài sản sau đó mới giải quyết ly hôn.

Anh M thừa nhận: Anh đã trực tiếp nhận được Thông báo số 510/TB-TA ngày 24-12-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định yêu cầu anh làm đơn nêu rõ yêu cầu giải quyết cụ thể về công nợ và tài sản chung của vợ chồng đồng thời cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh và làm các thủ tục nộp tạm ứng án phí để Tòa án nhân dân thành phố N có cơ sở giải quyết vụ án. Hết thời hạn quy định, anh không đến làm việc và không thực hiện các nội dung yêu cầu trong Thông báo nêu trên của Tòa án vì thấy vợ chồng vẫn bình thường và nghĩ rằng chị H đã rút đơn khởi kiện.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 14-12-2018, chính quyền địa phương nơi chị H và anh M cư trú xác nhận: Quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh M hay xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài từ lâu nhưng hai bên không hòa giải được nên

thường xảy ra va chạm cãi vã. Vợ chồng chị H và anh M có hai con chung là Trần Thị Thu T, sinh năm 1991 và Trần Đình H, sinh năm 1993, cả hai con chung đều đã lập gia đình riêng. Nay chị H có đơn giải quyết ly hôn với anh M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã tham gia tố tụng và được đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình M.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết. Anh M không thực hiện các nội dung yêu cầu của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 72, 91 và Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N năm 1990 nên hôn nhân giữa chị H và anh M là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị H và anh M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã có những lời nói, hành vi xúc phạm đến danh dự, thân thể của nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm để vợ chồng tiếp tục chung sống, tuy nhiên do mâu thuẫn đã trầm trọng nên tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải tạo điều kiện cho hai bên khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng hai bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, chị H có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải nữa và đưa vụ án ra xét xử. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H với anh M không cải thiện được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H với anh M ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xử ly hôn giữa chị H và anh M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình M đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết. Anh Trần Đình M không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến đề nghị giải quyết tài sản, công nợ của vợ chồng theo quy định tại Điều 72, 91 và Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật anh Trần Đình M có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ chung của vợ chồng bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH14 ngày 30-6-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai số 0000332 ngày 04-12-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi Cục THADS thành phố N;
- UBND p. Q, TP. N;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng

